

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 08-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 32/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1961; Nơi cư trú: khóm 1, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Hồng Đ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Hồng Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1950; Địa chỉ nơi cư trú: ấp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Văn C, sinh năm 1975; Địa chỉ nơi cư trú: ấp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

3.2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1960; Địa chỉ nơi cư trú: ấp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2021, lời trình bày của nguyên đơn bà Dương Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Hồng Đ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì:

Trước đây ông Nguyễn Văn D ở xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, có tới lui mua lúa giống của bà hàng năm nên có giới thiệu ông Lê Văn Đ ý định làm thông gia với gia đình tôi, dựa vào quen biết nên vào ngày 13/01/2021 ông Đ có hỏi vay bà số tiền là 450.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng và chăn nuôi thủy sản hẹn bảy ngày tức ngày 19/01/2021 sẽ trả. Đến ngày 20/01/2021, ông Đ vay thêm 450.000.000 đồng hẹn 03 ngày trả. Đến ngày 27/01/2021, ông Đ đến năn nỉ vay thêm 1.050.000.000 đồng, để đáo nợ ngân hàng trong ba ngày sẽ trả lại vốn và lãi cho bà. Trong thời gian đó, ông Đ có trả cho bà 02 lần vào các ngày 20/01/2021, 26/01/2021 với số tiền 300.000.000 đồng đối với khoản nợ ngày 13/01/2021, còn 02 khoản nợ ngày 20 và 27 tháng 01 năm 2021 thì chưa trả phần nào cả. Đối với việc vay tiền vào ngày 13/01/2021, thì lúc đầu biên nhận ghi ngày 13/01/2021, nhưng ngày 19/01/2021, ông Đ có trả lãi cho bà nên ông Đ sửa lại biên nhận là ngày 19/01/2021. Vậy ông Đ còn nợ lại bà tổng cộng, 1.650.000.000 đồng, khi vay tiền thì có thỏa thuận trả lãi là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Sau đó, bà có đến đòi nhiều lần mà ông Đ hứa đợi ngân hàng giải ngân và bán cá trả cho bà, nhưng đến nay ông Đ không thực hiện lời hứa. Việc ông Đ vay tiền của bà để cho ai vay lại hay không thì bà không biết, bà chỉ cho ông Đ vay nên bà chỉ biết ông Đ, không biết anh Lê Văn C. Ngoài ra, cùng trong ngày 13/01/2021, ông Đ và ông Nguyễn Văn H có mượn của bà 100.000.000 đồng, nhưng số nợ này đã trả dứt điểm. Khi khởi kiện bà yêu cầu ông Đ trả cho bà 1.650.000.000 đồng, không tính lãi, trong quá trình giải quyết bà khởi kiện bổ sung là yêu cầu vợ ông Lê Văn Đ và bà Lê Thị D trả cho bà số tiền vay gốc là 1.650.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/01/2021 đến ngày 19/4/2021 là 45.100.000 đồng.

* **Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:** Ông thừa nhận vay tiền của bà Dương Thị H 1.950.000.000 đồng (trong đó có ba biên nhận ngày 19/01/2021 là

450.000.000 đồng, ngày 20/01/2021 là 450.000.000 đồng, ngày 27/01/2021 là 1.050.000.000 tổng cộng là 1.950.000.000), mục đích để đưa cho anh Lê Văn C 1.800.000.000 đồng đi đáo nợ ngân hàng việc này có báo bà H biết nhưng chỉ báo bằng miệng không có giấy tờ; 100.000.000 đồng đưa cho ông Nguyễn Văn H mượn mua phân; còn 50.000.000 đồng thì ông mua thuốc và thức ăn cho chăn nuôi cá. Bà H đồng ý đưa tiền cho ông (ông có làm biên nhận nợ với bà H), ông nhận tiền từ bà H xong và ông đưa cho anh C (ông có làm biên nhận với anh C) và ông H. Sau đó, ông có báo cho bà H biết là anh C đi đáo hạn cho ngân hàng thì anh C trả lại cho ông và ông trả lại cho bà H. Rồi anh C có đưa cho ông được 300.000.000 đồng để trả bà H, hiện nay ông còn nợ lại bà H là 1.650.000.000 đồng, trong đó, anh C nợ 1.500.000.000 đồng, ông H nợ 100.000.000 đồng và ông nợ 50.000.000 đồng. Khi nào, anh C và ông H trả cho ông thì ông mới trả lại cho bà H số nợ này và ông không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà H. Còn việc chị H yêu cầu vợ ông cùng trả là ông không đồng ý vì chỉ có mình ông nhận tiền vợ ông không biết gì hết. Mọi chi tiêu trong gia đình ông, thì đều do ông làm để nuôi sống vợ chồng.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày:** Bà là vợ của ông Lê Văn Đ, công việc làm ăn của ông Đ bà hoàn toàn không biết gì vì bà bị bệnh phải nằm ở nhà, mọi chi tiêu trong gia đình bà, thì đều do ông Đ làm để nuôi sống vợ chồng. Nên việc bà H khởi kiện yêu cầu bà và ông Đ trả tiền nợ của ông Đ với bà H thì bà không đồng ý vì bà không có mượn tiền gì của bà H.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C trình bày:** Từ ngày 07/7/2020, anh và ông Lê Văn Đ có làm ăn chung công việc đáo hạn ngân hàng cho đến ngày 25/10/2020, đến phần đáo hạn nợ của anh thì ngân hàng buộc anh tất toán thì mới giải ngân hồ sơ cho anh thế anh đã nhận thêm để tất toán cho đến ngày 04/11/2020 thì ngân hàng mới giải ngân. Cho nên anh nhận của ông Đ những lần như sau: 300.000.000 đồng ngày 20/01/2021; 200.000.000 đồng ngày 15/02/2021; 200.000.000 đồng ngày 19/02/2021; 420.000.000 đồng ngày 18/01/2021; 250.000.000 đồng ngày 18/01/2021; 430.000.000 đồng ngày 19/01/2021 là tiền để đáo hạn lại cho ông Đ. Ngày 26/01/2021, anh khắc phục được 200.000.000 đồng có làm biên nhận với ông Đ. Ngày 10/01/2021 (âl), anh khắc phục được 100.000.000 đồng (có làm biên nhận với ông Đ). Việc anh mượn tiền của ông Đ là do anh trực tiếp hỏi mượn ông Đ, anh không có nhờ ông Đ đi hỏi bà H, anh chỉ nghe ông Đ nói là phải đi mượn từ người khác, chứ không biết cụ thể người nào. Nay anh cũng thừa nhận còn thiếu ông Đ 1.500.000.000 đồng

tiền gốc thì anh cũng đồng ý trả nhưng trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng hoặc một năm trả cho ông Đ là 50.000.000 đồng theo lương của anh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị H buộc ông Đ trả số tiền gốc là 1.650.000.000 đồng, còn tiền lãi thì đề nghị giải quyết theo quy định. Không chấp nhận buộc bà D liên đới cùng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Bà Dương Thị H khởi kiện ông Lê Văn Đ và bà Lê Thị D về việc còn nợ số tiền vay chưa trả dứt điểm nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Lê Thị D hiện đang cư trú tại ấp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D.

[3] Xét yêu cầu của bà Dương Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn ông Lê Văn Đ có nợ tiền của bà Dương Thị H là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua lời trình bày của bị đơn ông Lê Văn Đ đã thừa nhận việc vay tiền của bà H 03 lần với tổng số tiền là 1.950.000.000 đồng và có trả được 03 lần với số tiền là 300.000.000 đồng và nay còn nợ lại bà H số tiền 1.650.000.000 đồng; ngoài ra còn được chứng minh bởi biên nhận nợ ngày 19/01/2021, ngày 20/01/2021 và ngày 27/01/2021. Mặc dù, ông Đ cho rằng số tiền này hỏi dùm cho anh Lê Văn C, chứ ông không sử dụng cho cá nhân ông, nhưng theo biên nhận nợ là ông vay tiền là để đảo nợ ngân hàng và nuôi cá, việc ông vay dùm anh C thì bà H hoàn toàn không biết và chính anh C cũng thừa nhận là nhận tiền từ ông Đ chứ không biết ông Đ vay tiền từ đâu. Vì vậy, việc khởi kiện của bà H đối với ông Đ là có căn cứ.

[4] Đối với phần 100.000.000 đồng mà ông Đ khai là của ông Hoanh vay thì tại phiên tòa ông trình bày là đây là số tiền nằm ngoài khoản nợ 1.950.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với việc bà H yêu cầu ông Đ liên đới cùng vợ là bà D trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Đ vay tiền của bà H dùng để cho người khác đáo nợ Ngân hàng, ông Đ hưởng phần chênh lệch, việc này bà D hoàn toàn không hay biết; mặt khác người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H cho rằng biên nhận nợ ông Đ ký có dòng chữ “Chúng tôi...” nên buộc ông Đ và bà D liên đới trả là chưa phù hợp vì biên nhận nợ này đã được soạn sẵn mẫu và dòng chữ “Chúng tôi...” cũng đã được soạn sẵn, không phải do ông Đ viết ra, cho nên không có căn cứ để buộc bà D phải liên đới với ông Đ trả nợ cho bà H.

[6] Đối với phần trình bày của ông Đ cho rằng ông vay tiền là vay dùm cho anh C, nên khi nào anh C trả lại cho ông thì ông mới trả cho bà H, như nhận định nêu trên đã chứng minh giao dịch giữa bà Hường với ông Đ và ông Đ với anh C là hoàn toàn tách biệt, không liên quan với nhau, cho nên nếu ông Đ có yêu cầu thì ông có quyền khởi kiện anh C bằng 01 vụ kiện dân sự khác.

[7] Đối với phần tiền lãi mà ông Đ đã trả cho bà H, hai bên đương sự không có tranh chấp và yêu cầu điều chỉnh, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về yêu cầu tiền lãi, bà H yêu cầu tính tiền lãi tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày 19/4/2021 là 45.100.000 đồng tương ứng với lãi suất là 01%/tháng: Hội đồng xét xử xét thấy do từ ngày 27/01/2021, ông Đ không thực hiện việc cam kết trả nợ theo văn bản cam kết trả nợ nên ông Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, vì vậy việc yêu cầu tính lãi của bà H là có căn cứ theo khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*”. Do giữa các đương sự không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên việc tính lãi được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với lãi suất là 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng, vì vậy yêu cầu của bà H về mức lãi suất là chưa phù hợp, nên phải điều chỉnh lại mức lãi suất. Căn cứ quy định trên, khoản tiền ông Đ chậm trả 1.650.000.000 đồng, tính lãi từ ngày từ ngày 27/01/2021 đến ngày 19/4/2021 là 82 ngày với số tiền lãi làm tròn là 37.068.000 đồng.

[9] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Đ phải trả số tiền còn nợ tổng cộng là 1.687.068.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.650.000.000 đồng và tiền lãi là 37.068.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”; tuy nhiên, do nguyên đơn bà Dương Thị H, bị đơn ông Lê Văn Đ là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm; các đương sự khác không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị H. Buộc ông Lê Văn Đ trả cho bà Dương Thị H số tiền vay còn nợ là 1.687.068.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H về việc yêu cầu bà Lê Thị D liên đới trả số tiền vay.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Dương Thị H, bị đơn ông Lê Văn Đ thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng